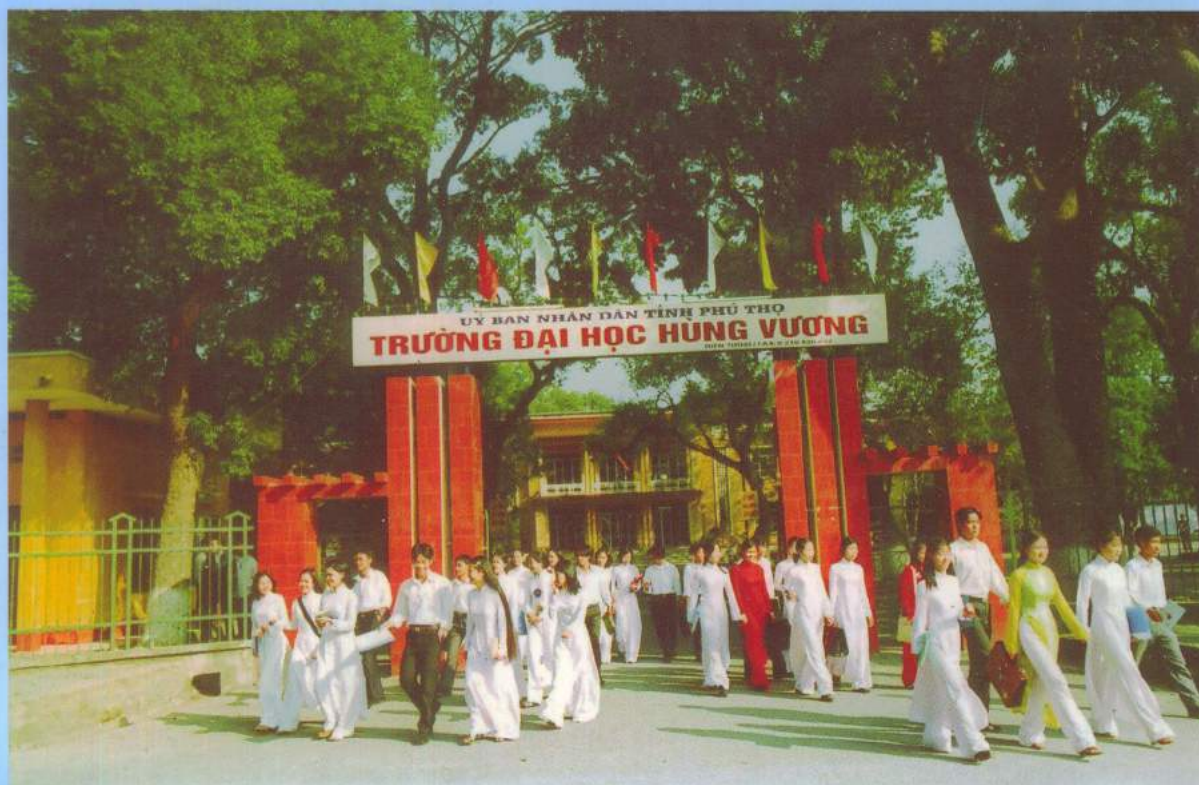


TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

THÔNG TIN KHOA HỌC

SCIENTIFIC REVIEW



PHÚ THỌ

SỐ 05
2005

**THÔNG TIN
KHOA HỌC
SCIENTIFIC REVIEW**

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS LÊ XUÂN TRƯỜNG

Hiệu trưởng

Trường Đại học Hùng Vương

Ban biên tập

PGS.TS CAO VĂN

Trưởng ban

Th. S. ĐẶNG VĂN HƯƠNG

P.TB, thư ký

NGUYỄN NGUYỄN HÙNG

Ủy viên

Th.S CAO VĂN THỊNH

Ủy viên

NCS NGUYỄN ANH TUẤN

Ủy viên

Th.S ĐỖ TÙNG

Ủy viên

CN ĐỖ KHẮC THANH

Ủy viên

In 300 cuốn, khổ 18,5 x 28,5cm,
tại Công ty In Phú Thọ. Giấy phép
xuất bản số: 85/GPXB do Sở Văn
hóa Thông tin Phú Thọ cấp ngày
7 tháng 11 năm 2005. Nộp lưu
chiếu tháng 11 năm 2005.

MỤC LỤC

Hình Biện:

1. Xã luận của Báo GD & ĐT, ngày 6/9/2005: 60 năm
quang vinh của sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo
Việt Nam. 2
2. Tác giả **Đinh Lê Yên**: Đổi mới các trường sư phạm:
Đòi hỏi cấp bách 4
3. **ThS. Vy Bích Thủy** - Khoa KHXH&NV: Bối cảnh
lịch sử và mưu đồ cùng thất bại của Đế quốc Mỹ
đối với Việt Nam 8
4. **ThS. Cao Văn Thịnh** - Khoa KHXH & NV: Cuộc
đời của liệt sĩ, bác sỹ Đặng Thủy Trâm là tấm gương
sáng là những bài học quý giá cho mỗi chúng ta
hôm nay 12
5. **ThS. Nguyễn Ngọc Yến** - Khoa KHXH & NV: Thơ
sau 1975 suy nghĩ và cảm nhận 17
6. **NCS. Phạm Tuấn Anh** - Khoa KHXH & NV: Bắt
đầu, từ nội dung 23
7. **ThS. Phan Thị Tinh** - Khoa KHTN: Chủ trọng tính
thực tiễn và rèn nghề cho sinh viên sư phạm trong
từng bài giảng toán 26
8. **ThS. Nguyễn Tiến Mạnh** - Khoa KHTN: Ứng dụng
tính đóng đại số của trường số phức vào việc tìm
công thức đạo hàm các cấp của hàm phân thức 33
9. **CN. Đào Bích Hải** - Khoa KHTN: Đổi mới phương
pháp sử dụng thí nghiệm hoá học 36
10. **ThS. Vũ Kim Tường** - Bộ môn TLGD: Tổ chức
cho sinh viên nghiên cứu khoa học phải được coi
là hình thức tổ chức dạy học ở trường cao đẳng -
đại học 42
11. Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên
trong các trường đại học và cao đẳng 46

60 NĂM QUANG VINH CỦA SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VIỆT NAM

Xã luận của Báo GD & ĐT, ngày 6/9/2005

DÂN tộc ta, Tổ quốc ta đang sống trong những ngày tháng sôi động và hào hùng của tháng Tám lịch sử, kỷ niệm trọng thể 60 năm nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 60 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng quang vinh và Bác Hồ vĩ đại, chúng ta đã lần lượt làm nên những kỳ tích, đưa Việt Nam từ một đất nước nô lệ trở thành Tổ quốc XHCN với một nền độc lập, tự do thật sự, mà ở đó mỗi con người đều được chăm lo, được sống trong ấm no, hạnh phúc. Trong những thắng lợi vĩ đại toàn diện của cách mạng, có sự đóng góp to lớn của sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Sau ngày cách mạng thành công, Nhà nước cộng hòa non trẻ phải đương đầu với biết bao thế lực thù địch, phải đối mặt với nạn đói khủng khiếp vừa cướp đi sinh mạng của hơn 2 triệu đồng bào, lại phải chịu đựng hậu quả nặng nề của chính sách ngu dân do thực dân Pháp để lại: 95% người Việt Nam mù chữ. Ngay sau khi thành lập nước chưa đầy một tuần lễ, ngày 8/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh Bình dân học vụ, kêu gọi toàn dân tích cực tham gia diệt giặc đói và giặc ngoại xâm. Với lòng yêu nước nồng nàn, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng triệu triệu người Việt Nam nhất tề đứng dậy tay bút, tay súng, vừa đánh giặc vừa học tập, với tinh thần nhà nhà đi học, người người đi học, ai cũng là chiến sỹ, ai cũng là học viên, người biết chữ ít dạy người không

biết chữ. Chỉ sau gần một năm, chúng ta đã xóa được nạn mù chữ về cơ bản.

Từ trên nền thắng lợi, có tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng, dân tộc ta đã đi lên, từng bước xây dựng một nền giáo dục xã hội chủ nghĩa ưu việt, có những đóng góp to lớn, xứng đáng với tâm vóc của đất nước và cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại, hàng chục vạn thầy giáo và học sinh đã hăng hái lên đường giết giặc, trong số đó có hàng vạn người đã ngã xuống cho Tổ quốc ta "Nở hoa độc lập, kết quả tự do".

Ngành Giáo dục - Đào tạo đã cống hiến cho Tổ quốc những người con ưu tú, những tri thức khoa học hàng đầu như: Trần Đại Nghĩa, Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Văn Huyền, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Hiệu, Vũ Đình Cự... cùng với những học sinh ưu tú được đào tạo từ trên ghế nhà trường cách mạng: Cù Chính Lan, Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Nguyễn Viết Xuân, Trần Hanh, Đặng Thuỳ Trâm, Nguyễn Văn Thạc... Đó là những bông hoa anh hùng ngát hương của ngành GD & ĐT trong vườn hoa anh hùng cách mạng điệp trùng.

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, ngành GD & ĐT vẫn tiếp tục có những cống hiến xuất sắc. Biết bao tấm gương hy sinh tận tụy, âm thầm của hàng vạn nhà khoa học, nhà giáo và học sinh sinh viên, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp CNH - HĐH của Tổ quốc. Chúng ta hiểu rằng trong mỗi bước đi thắng lợi của cách mạng

Việt Nam nhằm chuyển đổi nền kinh tế nước ta từ đói nghèo lạc hậu sang một nền kinh tế căn bản công nghiệp hoá đều có sự đóng góp quyết định của sự nghiệp GD & ĐT.

60 năm qua, cuộc cách mạng của dân tộc ta đang chuyển mình vươn lên với khí thế bão táp. Sự nghiệp GD & ĐT của chúng ta đã từ bùn lầy đứng dậy, từng bước sánh vai với bầu bạn quốc tế. Năm học 2005 - 2006 mở ra trong bối cảnh hết sức thuận lợi: Hơn 22 triệu học sinh đang cấp sách tới trường được sự chăm lo, dạy dỗ của gần 1 triệu thầy, cô giáo các cấp. Việt Nam hiện có gần 40.000 trường học, có hàng vạn tri thức khoa học có trình độ học vấn ở

bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ và Giáo sư, cứ 3 người dân hiện có 1 người đang theo học dưới các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác nhau. Một dân tộc hiếu học và yêu nước như thế, quyết không thể là một dân tộc yếu hèn. Càng tự hào trước những đóng góp lớn lao của sự nghiệp GD & ĐT kiên trung trong 60 năm qua, chúng ta càng thấm thía ý nghĩa lớn lao lời dạy của Bác đối với dân tộc và với ngành Giáo dục: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Đó cũng chính là mục tiêu cao đẹp của sự nghiệp GD & ĐT Việt Nam.



BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ MƯƠI ĐỒ... (Tiếp theo trang 11)

nước Mỹ, thời kỳ "Mỹ sau Việt Nam". Cuộc khủng hoảng niềm tin, nỗi mặc cảm, sự dằn vặt lương tâm, những hậu quả tiêu cực... tất cả điều đó làm cho uy tín của Mỹ suy giảm, thân tượng Mỹ đổ sụp.

Mỹ thất bại vì Mỹ không đánh giá đúng sức mạnh của đối phương sức mạnh của ý chí Việt Nam, nghị lực Việt Nam, sức mạnh truyền thống dân tộc và sức mạnh của cuộc Chiến tranh nhân dân. Đó cũng là bài học cay đắng Mỹ tự rút ra cho mình sau cuộc chiến phi nghĩa này.

Mùa xuân Ất Dậu này, cuộc Kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta đã kết thúc vừa tròn 30 năm. 30 năm qua, trở thành chiếc cầu nối vững chắc giữa quá khứ vinh quang với tương lai tươi sáng, huy hoàng của đất nước. Việt Nam đang hồng da, thắm thịt trên con đường đổi mới của Đảng, hoà nhập trong xu thế phát triển cùng bạn bè bốn phương. Việt Nam đi lên và trở

thành từ đổ nát của chiến tranh. Dân tộc Việt Nam anh hùng trong chiến tranh giữ nước đã, đang tự khẳng định mình và vượt lên chính mình trong công cuộc dựng nước, đứng như nhà thơ người Đức Colaobuphe viết:

... Việt Nam

Trong âm vang

đã và đang

lớn hơn tâm một đất nước...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 - thắng lợi và bài học. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 2000.
2. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. Lịch sử Kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975). Tập I, II. NXB Sự Thật Hà Nội, 1991.
3. Đào Huy Ngọc (chủ biên) Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1994.

ĐỔI MỚI CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM: ĐÒI HỎI CẤP BÁCH

Tác giả: ĐÌNH LÊ YÊN

BBT: *Cả nước hiện có 230 trường ĐH, CĐ, khoảng 84 trường, khoa (hơn 1/3) là trường ĐHSP, CĐSP và khoa SP thuộc một số trường ĐH. Với lực lượng đông đảo như vậy, hệ thống các trường SP đang giữ vị trí hết sức quan trọng, làm nên bộ mặt giáo dục ĐH- CĐ Việt Nam thời kỳ đổi mới... Nhưng đổi mới các "lò" SP theo mô hình nào? Để trả lời câu hỏi, trường ĐHSP trọng điểm thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo "Mục tiêu đào tạo và mô hình ĐHSP Việt Nam trong giai đoạn mới". TTKH xin đăng lại nội dung của bài báo trên Báo GD & ĐT số 76 và số 77 ngày 25, 28 tháng 6 năm 2005, tác giả Đình Lê Yên.*

1- Khẩn trương đa dạng hoá các trường sư phạm

PGS TSKH Bùi Mạnh Nhị - Hiệu trưởng trường ĐHSP TPHCM: "Các trường SP là địa chỉ đào tạo người thầy, cỗ máy cái của GD và khoa học GD, đóng vai trò quyết định đối với chất lượng đội ngũ người thầy và cán bộ quản lý GD. Để thực hiện Chỉ thị 40/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, các trường SP cần đi tiên phong trong việc nhìn nhận và đổi mới chính mình..."

Khoảng chục năm nay, theo yêu cầu của xã hội thời đổi mới, một số trường SP đã và đang "lột xác" toàn diện. Tiêu biểu như CĐSP Thanh Hoá nâng cấp thành ĐH Hồng Đức đào tạo đa hệ, đa ngành, đa lĩnh vực. Tương tự còn có CĐSP An Giang thành ĐH An Giang, CĐSP Tiền Giang thành ĐH Tiền Giang, CĐSP Hải Phòng thành ĐH Hải Phòng và CĐSP Phú Thọ thành ĐH Hùng Vương, ĐHSP Vinh thành ĐH Vinh đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực... Chưa kể một số trường ĐH, từ lâu không "dính" gì đến chuyện đào tạo người thầy, những năm gần

đây đã mở thêm các khoa bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ SP cho các cử nhân, kỹ sư ngoài SP - nhưng có nguyện vọng làm GV.

Thực tế trên cho thấy mô hình các trường đào tạo chuyên về SP tuy đang hình thành, nhưng cần phải sớm cải tổ - Cải tổ ra sao? Theo GS TSKH Hoàng Tuy: "Đối với GV THPT, việc đào tạo nghiệp vụ vẫn cần thiết, nhưng không đến mức phải có những trường ĐHSP nặng nề như hiện nay. Kinh nghiệm một số nước như Pháp cho thấy: những trường SP như thế tốn kém, không thành công lắm, đang dần dần thay thế bởi khoa SP trong các trường ĐH đa ngành, thu nhận những người có bằng cử nhân để đào tạo nghiệp vụ khoảng 4 - 6 tháng, thậm chí 1 năm kể cả thực tập, có thể tuyển làm GV THPT. Các trường ĐHSP của ta cũng nên chuyển thành ĐH đa ngành có chuyên khoa SP".

Về việc đào tạo GV trong thời kỳ mới, theo TS Trần Thị Bích Liễu (ĐHSP HN1): "Ngày nay vai trò của GV được nhìn nhận từ nhiều góc độ: là nhà SP, nhà NCKH GD,

nhà quản lý, lãnh đạo (trường, lớp, quá trình dạy - học) và là nhà ngoại giao (kết nối gia đình - nhà trường - xã hội). Do đó, quá trình đào tạo ở các trường SP không chỉ đơn thuần cung cấp cho SV những kiến thức chuyên môn, mà còn cung cấp kiến thức ở nhiều lĩnh vực khác... Không có NCKH, không có quá trình tự học, GV sẽ tự đào thải trong xã hội thông tin đầy biến động ngày nay". Cùng quan điểm trên, TS Huỳnh Văn Sơn (ĐH SP TPHCM) đề nghị: "Phải chú ý hoàn thiện việc đào tạo bằng hai cho tất cả các chuyên khoa SP (dựa trên nhu cầu của xã hội đang cần). Không được quan niệm rằng: Chỉ ở những ngành nào đang thực sự thiếu GV mới đào tạo, vì nhu cầu của xã hội đang chuyển hướng học ngành SP "kép", nhưng không chắc sẽ đi dạy học".

Đổi mới các trường SP, không thể cứ bám mãi những vấn đề đã quá lạc hậu của chương trình (CT) đào tạo hiện nay. Theo Th.S Phạm Thị Thu Hiền (ĐHSP TPHCM): "Trường ĐHSP TPHCM đang xây dựng CT mới, trong đó cắt giảm đáng kể (15%) thời lượng lên lớp của SV. Một số môn giảm 25%, từ 4 đơn vị học trình xuống còn có 3. Thay đổi CT học theo hướng cắt giảm giờ lên lớp là thích hợp, vì hiện nay SV phải lên lớp gần kín các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, không còn thời gian đâu cho tự học, tự nghiên cứu. Do đó cách dạy truyền đạt một chiều máy móc của các trường SP là khó tránh khỏi... So sánh với SVSP Mầm non của ta và nước Anh, SV ta lên lớp nhiều hơn SV Anh 4,7 lần".

Nói về một trong những yếu điểm rõ nét nhất của trường ĐHSP của ta hiện nay, GS TSKH Lê Ngọc Trà (Viện NCGD - ĐHSP TPHCM) cho rằng đó là "khâu đào tạo nghề... Các môn Tâm lý - Giáo dục giảng dạy ít hiệu quả. Các tổ môn PPGD khá yếu, hoạt động đơn lẻ... Có thể nói

trong ba phẩm chất cơ bản của người GV: Kiến thức chuyên môn, năng lực SP và sự gắn bó với nghề nghiệp thì lâu nay các trường SP chủ yếu mới chỉ làm được một phần của yếu tố đầu. Làm sao để đào tạo những người thầy không chỉ dạy chữ mà còn dạy người - đó là nhiệm vụ rất lớn của các trường SP... Các tài liệu mới nhất cho thấy, hiện nay ở các nước châu Á, vấn đề tư cách và sự gắn bó với nghề nghiệp của người thầy được ưu tiên đầu tiên, đánh giá hơn cả tri thức... Hiện nay đào tạo GV không còn là độc quyền của các trường SP. Tương lai, chắc chắn việc đào tạo GV sẽ đa dạng hơn, bằng cách tuyển những người đã tốt nghiệp các khoa học khác, đào tạo thêm 1 - 2 năm nữa, rồi cấp các chứng chỉ SP để họ hành nghề dạy học... Do đó, trường ĐHSP phải trở thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo các chuyên gia làm việc trong các lĩnh vực GD & ĐT - đây là nhiệm vụ cần đặt lên hàng đầu..."

Hướng đào tạo mới đối với SVSP cần lưu ý điểm gì nữa? Theo GS TSKH Hoàng Tuy: "Thực tế SVSP ở ta hiện nay chỉ có không tới 40% (?) ra trường nhận nhiệm vụ trong ngành GD. Còn lại họ chỉ mượn trường SP làm nơi trú chân tạm thời. Bởi vậy, CT và nội dung đào tạo ở các trường SP, cần chuẩn bị cho người thầy tương lai cảm thấy thoải mái, không buộc chặt vào nghề giáo để rồi có thể bị hút hẫng - nếu sau này chẳng may phát hiện ra mình hợp với một nghề khác..."

2- Lực cản từ người thầy?

SVSP ở nước ta hiện nay chiếm gần 30% tổng số SV chính quy toàn quốc (460.000/1.400.000). Đây là giải pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng đào tạo người thầy? Trong Chỉ thị 40/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã chỉ rõ: "... Đa số nhà giáo vẫn dạy theo lối cũ, nặng về truyền

đạt lý thuyết, ít chú ý phát triển tư duy, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành của người học...”.

Bản về nguyên nhân cản trở lớn đến chất lượng giảng dạy của GV và học tập của SV các trường SP, Th.S Lê Đức Luân (ĐHSP Đà Nẵng) rút ra 4 nguyên nhân. Thứ nhất, hiện nay việc tuyển sinh vào ĐH - CĐ ít quan tâm đến quá trình học tập của HS ở các trường phổ thông, nên có HS học lực trung bình vẫn lọt vào trường sư phạm. Mặc dù SVSP được miễn học phí, nhưng những điều kiện đó chưa đủ thu hút HS giỏi vào học sư phạm. Vì SVSP không được bao cấp toàn bộ việc ăn, ở, học phí và có ngay chỗ làm phù hợp khi ra trường như sinh viên các trường công an, quân đội. SV các trường bách khoa, kinh tế ngoại thương chẳng hạn..., khi ra trường thu nhập thường cao hơn SV sư phạm... Thứ hai, do các trường SP không có nguồn thu học phí - mà kinh phí Nhà nước cấp lại hạn chế, nên điều kiện cơ sở vật chất dạy và học ở các trường SP bị thua thiệt nhiều. Dù GVSP được ưu đãi 50% lương (các trường ngoài SP là 35%), nhưng nhìn chung thu nhập thấp hơn nhiều so với GV các trường ngoài SP. Như vậy, trường SP không phải là điểm hấp dẫn thu hút GV giỏi. Thứ ba, tính chủ động nghề nghiệp của các trường SP lâu nay bị biến thành tính thụ động ngồi chờ. Các lần cải cách giáo dục, lẽ ra phải bắt đầu từ các trường ĐHSP - CĐSP, đảng này chúng ta lại làm quy trình ngược lại... Thứ tư, tính chuyên sâu của trường SP còn mờ nhạt. Thầy thuốc được đào tạo 6 năm (ĐH Y - Dược); một số trường ĐH khối kỹ thuật cũng đào tạo tới 4,5 - 5 năm; trong khi ĐHSP chỉ có 4 năm đào tạo. Do đó tầm quan trọng và sự uyên bác chuyên sâu của thầy giáo bị giảm sút...

Về thực trạng đáng buồn của GV ĐHSP hiện nay, TS Mai Văn Hưng (ĐHSP Hà Nội 2)

thừa nhận: “Một bộ phận không nhỏ CB - GV: tự học đối với họ đã trở nên xa xỉ, đọc sách không còn là thói quen. Một số vị háo danh - vô thực, nhiều người không phải là GV hoặc là GV kém đua nhau đi học thạc sỹ, tiến sỹ để mong lấy cái ISO bằng cấp che đậy sự kém cỏi của tư chất, hoặc tìm kiếm cơ hội để đổi đời. Không ít GV có tư chất, nhưng ỉ thế năng lực tự thân coi thường bằng cấp, không tiếp tục học lên hay tự học. Một vài GV “Tây học”, tự coi mình là bề trên là “bách khoa toàn thư”, nên đã tách mình ra để phân xử kẻ khác, quên luôn bồi bổ vốn kiến thức đã cũ rích. Có người làm luận án bằng tiến sĩ tây đàng hoàng, nhưng về nước ít năm nhìn lại luận án chẳng biết mình viết cái gì. Số GV khác tự găm nhấm vinh quang quá khứ, quên tự khẳng định mình trong hiện tại... Hậu quả là: Phần lớn các GV ĐHSP dưới 50 tuổi không viết được hoặc không muốn viết giáo trình giảng dạy cho chính chuyên môn của mình. Trình độ ngoại ngữ chưa tốt cũng là rào cản quan trọng tiếp nhận thông tin từ bên ngoài. Vì thế bài giảng thường quá cũ, lạc hậu và sai lầm. Có môn học không có giáo trình tiếng Việt, một số GV thích dạy gì thì dạy...”.

Ở góc độ khác, Th.S Hoàng Thị Như Hà (ĐHSP TPHCM) cảnh báo: “Thực tế, muốn giảng dạy tốt, GVĐH phải tích cực NCKH thì chất lượng giảng dạy mới được nâng cao. Lâu nay, ở không ít các trường ĐH, GV chỉ quan tâm đến công tác giảng dạy, không chú trọng đến NCKH. Số lượng CB GV tham gia NCKH chiếm tỷ lệ khiêm tốn khoảng 30%...”.

Liên quan đến sự sa sút tay nghề chuyên môn của một số GV các trường SP, nhà giáo Đào Ngọc Đệ (ĐH Hải Phòng) báo động: “...Đáng buồn là có nhiều SV tốt nghiệp ĐH loại bình thường, không xin vào dạy ở phổ thông, nhưng lại được vào

biên chế giảng dạy ở nhiều trường CĐSP, ĐHSP (!?). Một số trường SP còn tiếp nhận cả GV yếu kém năng ở trường phổ thông về dạy... Sự thân quen, móc ngoặc, kiểm chác trong khâu tuyển GV cho các trường SP - là đầu mối của sự yếu kém chất lượng đào tạo ở các trường SP... Những GV nói trên, dù được các trường SP cho đi bồi dưỡng thạc sỹ (theo kiểu phổ cập) và tiến sỹ (theo kiểu phong trào như hiện nay), cũng không thể có chất lượng thực sự...”

Vậy đâu là chân dung GV các trường SP, thời kỳ nước ta bắt đầu bước vào nền kinh tế tri thức? Theo tiến sỹ Trần Thị Như Mai (Viện NCGD ĐHSP TPHCM): “Trước hết phải là một người tốt, đối xử công bằng tôn trọng SV. Làm việc nghiêm túc, tự giác, có khả năng lãnh đạo, yêu nghề dạy học. GV phải là nhà khoa học, hay ít nhất là một người học sâu hiểu rộng trong môn học mà mình giảng dạy. GV phải có năng lực dạy học, phải có khả năng hướng dẫn, rèn luyện SV phương pháp học tập theo cách tự nghiên cứu, tự phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn. Người GV phải có chí tiến thủ, không ngừng tự hoàn thiện, nâng cao trình độ chuyên môn - nghiệp vụ. Và cuối cùng GV phải nâng cao niềm tự tin vào hiệu quả công việc dạy học và giáo dục sinh viên...”

Ở góc độ tổ chức quản lý quá trình dạy học, Th.S Phạm Thị Lan Phương (Viện NCGD - ĐHSP TPHCM) đề nghị: Để GVSP lên lớp có hiệu quả cao, 100% môn học phải có giáo trình tiên tiến cập nhật và 100% SV chính quy có giáo trình để học ở tất cả các môn (hiện nay tỷ lệ này mới đạt 70 - 80%). Chỉ khi có đủ giáo trình, các GV mới rèn cho SV khả năng lập kế hoạch học tập, tự học và chấm dứt tình trạng dạy học đọc chép. Cần đầu tư để 100% SV được sử dụng internet theo định mức và miễn

phí (ở Singapore mỗi trường học đều nối mạng internet và được chi bình quân 2,5 triệu USD Singapore cho công nghệ dạy học hiện đại). Các trường SP của ta cần sớm chấm dứt việc GV đọc giảng một môn / một lớp với thời lượng cố định bắt buộc trên 45 tiết. Bởi vì một GV giảng trong thời gian dài, khiến SV cảm thấy nhàm chán. Cần mời các chuyên gia giỏi dạy một số chuyên đề, để đa dạng hoá, đổi mới phong cách giảng dạy tự duy. Các trường cần tích cực áp dụng đào tạo theo cơ chế cấp tín chỉ, đồng thời xác lập quy trình và định kỳ đánh giá chất lượng đào tạo qua các phản hồi của SV...”

Với hoàn cảnh đất nước đang quyết liệt chuyển mình sang nền kinh tế thị trường - nền kinh tế tri thức, rõ ràng các trường SP không thể cứ “ngủ quên” trong “tháp ngà” cổ lỗ (những khuôn mẫu, cơ chế, nội dung chương trình đào tạo và PPDH đã lạc hậu...). Cách đây gần chục năm, GS Trần Hồng Quân lúc đó là Bộ trưởng Bộ GD & ĐT đã từng đề xuất: “Trường SP không nên chỉ đào tạo GV và GV không nên chỉ đào tạo trong trường SP”. Từ những đòi hỏi nóng bỏng của thực tế, PGS TS Lê Đức Ngọc (ĐH Quốc gia Hà Nội) cho rằng: Các trường SP cần nhanh chóng áp dụng CT đào tạo GV dạy tích hợp, chuẩn bị một đội ngũ GV đa năng, đáp ứng nhu cầu mở rộng quỹ mô các trường ngoài công lập... Các CT đào tạo GV hiện hành khá lỗi thời, vì chỉ nhằm đào tạo GV dạy một môn, không có khả năng dạy tích hợp cho một số môn cùng lĩnh vực. Chương trình đào tạo GV hiện hành chú trọng kiến thức kỹ năng, chưa coi trọng đào tạo năng lực tư duy, năng lực vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tế. GV dạy tích hợp là đầu mối quan trọng góp phần đảm bảo chất lượng dạy học trong thời kỳ đổi mới./.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ MƯƠ ĐỒ CÙNG THẤT BẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Thạc sỹ VY BÍCH THUY - Khoa KHXH&NV

1. Bối cảnh quốc tế:

Chiến tranh thế giới thứ 2 thu hút 76 nước tham chiến, nhưng cả người chiến thắng lẫn kẻ chiến bại, tất cả đều bại hoại, kiệt quệ. Thiệt hại về người (trên 60 triệu người chết), thiệt hại về của (chi phí hơn 4.000 tỷ USD), vượt xa sức tưởng tượng của nhân loại. Liên Xô chiến thắng Chủ nghĩa phát xít, giành thắng lợi lớn nhất về quân sự, chính trị và tinh thần, nhưng phải trả giá đắt, đất nước bị tàn phá nghiêm trọng. Chiến tranh thế giới thứ 2 (1939-1945) kết thúc, Chủ nghĩa phát xít Đức - Ý - Nhật - kẻ châm ngòi cho chiến tranh bùng nổ, đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Lực lượng đồng minh dân chủ thế giới đã chiến thắng. Vấn đề giải quyết hậu quả chiến tranh, khôi phục hoà bình, thiết lập một trật tự thế giới mới sau chiến tranh được đặt ra vô cùng khẩn thiết.

Cách mạng Dân tộc dân chủ ở nhiều nước Đông Âu và các nơi khác giành thắng lợi. Chính đảng vô sản nắm chính quyền và nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô, đã xây dựng đất nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa. Từ 1949, hệ thống Xã hội chủ nghĩa đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành hệ thống thế giới. Lực lượng cách mạng thế giới tuy đã lớn mạnh, không còn ở thế phòng ngự như trước, nhưng cũng cần có thời gian hoà bình để phát huy sức mạnh và tính ưu việt của mình.

Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao, nhiều nước thuộc địa giành được độc lập,

hệ thống thuộc địa cũ của chủ nghĩa đế quốc sụp đổ từng mảng lớn. Địa vị của các nước dân tộc chủ nghĩa dần dần được xác lập trong quan hệ quốc tế mới khi Liên Xô trở thành một cực quan trọng trong trật tự thế giới Xô - Mỹ. Phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới chống chiến tranh, đòi hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội dâng cao ở các nước tư bản - hậu phương của chủ nghĩa đế quốc.

Trong bối cảnh quốc tế trên đây, nhằm ứng phó với tình hình mới, đế quốc Mỹ - kẻ giàu mạnh và tinh táo nhất sau chiến tranh - đề ra Chiến lược quân sự, đường lối đối ngoại, hòng thực hiện những mưu đồ mới.

2. Vài nét khái quát về đế quốc Mỹ

Mỹ là nước có lãnh thổ rộng (9.373.000km²) dân số đông (hiện nay 264.000.000 người). So với Việt Nam, lãnh thổ nước Mỹ rộng hơn 28 lần, dân số đông gấp hơn 6 lần (so với dân số Việt Nam năm 1954).

Mỹ đã từng tham gia 2 cuộc chiến tranh thế giới, mà nhờ đó, Mỹ đã giải quyết được cuộc khủng hoảng thừa, đặc biệt, bán được rất nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh cho cả 2 phe tham chiến. Những nguồn lợi nhuận khổng lồ này, khiến Mỹ giàu lên nhanh chóng nhờ chiến tranh để trở thành chủ nợ của cả thế giới.

Mỹ là nước có nền kinh tế độc quyền phát triển, công nghệ sản xuất tiên tiến bậc

nhất, năng suất lao động cao. Thập niên 50 của thế kỷ XX, sản lượng công nghiệp của Mỹ chiếm tới 55% tổng sản lượng công nghiệp thế giới. Tổng thu nhập của Mỹ/năm bằng tổng thu nhập của cả khối đế quốc Tây Âu và Nhật cộng lại. Trung tâm tài phiệt Mỹ có ngoại tệ và vàng dự trữ chiếm 3/4 tổng lượng dự trữ của cả thế giới.

Do tác động của cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ 2, mà nền kinh tế của Mỹ phát triển mau lẹ, liên tục trong vài ba thập kỷ sau chiến tranh. Kỹ thuật quân sự tiên tiến, hiện đại, vừa đảm bảo trang bị vũ khí và phương tiện chiến tranh đầy đủ cho quân đội trong nước, vừa cung cấp cho các đồng minh và chính quyền tay sai thân Mỹ trên khắp thế giới.

Mỹ tham gia sáng lập tổ chức Liên hợp quốc tháng 10-1945 - Là Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an - là một cực quan trọng trong trật tự thế giới Ianta, Mỹ cũng là kẻ khởi xướng, tổ chức, cầm đầu nhiều khối quân sự xâm lược thế giới và khu vực, điển hình là khối quân sự NATO.

Mỹ nắm độc quyền vũ khí hạt nhân thời kỳ 1945 - 1949 (năm 1949 Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, đã phá vỡ thế độc quyền hạt nhân của Mỹ). Mỹ là nước giàu có nhất thế giới, có tiềm lực vững chắc về mọi mặt, cho nên giữ vị trí cầm đầu hệ thống đế quốc chủ nghĩa, trở thành dinh lũy chính - trung tâm tập hợp lực lượng phản động quốc tế.

Trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều điều kiện thuận lợi cho Mỹ, bởi vậy, sau Chiến tranh thế giới thứ 2, Mỹ đề ra và thực hiện Chiến lược toàn cầu phản cách mạng, nhằm từng bước đưa Mỹ lên địa vị bá chủ thế giới.

Mỹ thực hiện Chiến lược toàn cầu bằng Chủ nghĩa thực dân mới và Chiến tranh thực dân mới, thay thế cho Chủ nghĩa thực

dân cũ đã lộ mặt và chiến tranh thực dân cũ, đã bị nhân dân thế giới phản đối, lên án gay gắt. Mục tiêu của Chiến lược toàn cầu là: chống lại Liên Xô để ngăn chặn ảnh hưởng, đẩy lùi sự phát triển của hệ thống Xã hội chủ nghĩa thế giới, đàn áp Phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa - đặc biệt ở những nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo có xu hướng phát triển lên Chủ nghĩa xã hội, đối phó với phong trào Công nhân và Cộng sản quốc tế đang dâng cao khắp các nước tư bản.

3. Mưu đồ và sự thất bại của đế quốc Mỹ đối với Việt Nam

+ Thời kỳ 1945 - 1954.

Việt Nam trong con mắt của giới cầm quyền Mỹ, sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, đang có xu hướng đi lên Chủ nghĩa xã hội. Mỹ muốn xác định ảnh hưởng của mình ở Việt Nam thay Pháp, để ngăn cản xu hướng phát triển của Cách mạng Việt Nam và Đông Dương. Toàn tính như vậy, cho nên tháng 9/1945, Tổng thống Truman đã cử tướng Galêgơ đến Hà Nội, tình nguyện xin được giúp Việt Nam khôi phục lại hệ thống giao thông, sân bay... nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khước từ, Người nhận thức được ý đồ đen tối của Mỹ ẩn đằng sau "thiện chí" kia.

Lập tức, Mỹ có phản ứng đầu tiên bằng việc ủng hộ hơn 20 vạn quân Tưởng và hơn 1 vạn quân Anh, núp dưới danh nghĩa đồng minh vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật. Mỗi thế lực đế quốc, tay sai, tuy có mưu đồ riêng, nhưng thời kỳ đầu chúng tạm thời hoà hoãn, bắt tay, cấu kết với nhau, chống phá cách mạng quyết liệt để lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh, tiêu diệt Đảng Cộng sản. Do đối sách ngoại giao khéo léo "nhân nhượng có nguyên tắc" của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên đã phá

tan được âm mưu của Mỹ và thù trong, giặc ngoài, đưa cách mạng Việt Nam thoát khỏi tình thế hiểm nghèo lúc đó.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và Đông Dương trở lại lần thứ 2 của thực dân Pháp (1946 - 1954), từ Kế hoạch Rove 1949 đến Kế hoạch Nava 1953, Mỹ hết lòng giúp Pháp về kinh tế, tài chính, xây dựng kế hoạch quân sự, vũ khí, phương tiện chiến tranh... thông qua việc tiếp tay phi nghĩa này, Mỹ bắt đầu triển khai Chiến lược toàn cầu ở khu vực Đông Nam Á. Việt Nam là nơi có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng - một khâu then chốt trong Chiến lược toàn cầu của Mỹ ở Viễn Đông.

Năm 1949 Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa ra đời, tương quan so sánh lực lượng nghiêng về phe Xã hội chủ nghĩa. Trong hoàn cảnh bất lợi đó, Mỹ càng dốc sức cho cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương nhiều hơn. Để hợp pháp hoá viện trợ quân sự của mình, Mỹ ép Pháp lập Chính phủ bù nhìn do Bảo Đại đứng đầu, để dễ bề điều khiển, tạo chỗ đứng cho Mỹ ở Việt Nam. Hơn 80% tổng chiến phí của Pháp ở Đông Dương đã được Mỹ "gánh đỡ" với mưu đồ: Quốc tế hoá cuộc chiến tranh này có lợi cho mình về sau.

Ngày 7/5/1954, Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ của dân tộc ta đã đập tan Kế hoạch quân sự Nava, làm phá sản ý đồ "Thương lượng trên thế mạnh" của Pháp và Mỹ. Hiệp nghị Giơnevơ tháng 7/1954 công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình. Mỹ không ký để khỏi bị một Hiệp định quốc tế nào ràng buộc, ngăn cản sự có mặt của Mỹ ở Việt Nam và Đông Dương sau đó.

Ngay sau Hiệp nghị Giơnevơ, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm đang được đào tạo tại Mỹ về Việt Nam, lập Chính phủ tay sai để "Đả thực, bài phong, diệt cộng". Sự kiện này

chấm dứt hoàn toàn vai trò của Pháp ở Đông Dương sau gần một thế kỷ. Mỹ thực hiện thuyết "Lấp chỗ trống", "Thế chân Pháp", áp đặt chủ nghĩa thực dân mới trá hình, nhằm nhanh chóng tăng cường ảnh hưởng của mình ở Việt Nam.

Như vậy, từ 1945 - 1954, Mỹ đã có cả quá trình công phu chuẩn bị kỹ lưỡng, chọn vị trí "Đứng đằng sau kẻ khác", để dù có phải tốn nhiều công sức, tiền của, nhưng đã leo được những nấc thang chắc chắn, đầu tiên vào Việt Nam, kíp loại các địch thủ khác không có cơ hội tranh giành cùng Mỹ. Bản chất xảo quyệt, giấu mặt, trá hình của Chủ nghĩa thực dân mới "kiểu Mỹ" điển hình là thế.

+ Thời kỳ 1954 - 1975.

Để quốc Mỹ với những âm mưu, thủ đoạn và tham vọng lớn của mình, không thêm quan tâm đến những quy định của Hiệp nghị Giơnevơ, tự cho mình là kẻ "ngoài cuộc", "thức thời", ngấm ngấm biến mưu đồ thành hiện thực: quyết tâm chiếm bằng được miền Nam Việt Nam, biến nơi đây thành căn cứ quân sự - thuộc địa kiểu mới - bàn đạp tấn công xâm lược miền Bắc, ngăn chặn "Làn sóng đỏ" là Chủ nghĩa xã hội từ Bắc Á xuống Nam Á, chống phá phong trào giải phóng dân tộc. Việt Nam sẽ là "lá chắn" có tác dụng nhiều mặt trong việc triển khai Chiến lược toàn cầu của Mỹ. Chiếm được Việt Nam, Mỹ sẽ "mở toang cửa ngõ châu Á" từ phía Đông. Chính sách Việt Nam thời kỳ này, do vậy, đồng thời là cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam tàn bạo của Mỹ.

Tiến trình xâm lược Việt Nam, Mỹ đã công phu, liên tiếp thực hiện nhiều Chiến lược chiến tranh khác nhau, thể hiện nhiều Học thuyết của các đời Tổng thống và không ngừng điều chỉnh Chiến lược quân sự toàn cầu để đạt mục tiêu đặt ra - thống trị thế giới.

Chiến lược “Chiến tranh đơn phương” (1954 - 1960) - Chiến lược “Chiến tranh một phía” - dưới thời Tổng thống Aisenhau, với Chiến lược quân sự “Trả đũa ô ạt” đã mở đầu cuộc chiến ở Việt Nam.

Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) dưới thời Tổng thống Kennơđi và Giônson. Mỹ rêu rao “Chiến lược hoà bình” thể nghiệm Học thuyết “Phản ứng linh hoạt” áp dụng “Chiến tranh lạnh” thay thế cho “Chiến tranh nóng”.

Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968) dưới thời Tổng thống Giônson. Đây là cuộc chiến tranh xâm lược trực tiếp của quân đội Mỹ và đồng minh chư hầu tay sai. Chúng thử nghiệm nhiều loại vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, cố sức công phá lớn, mang tính huỷ diệt ở cả 2 miền Nam - Bắc Việt Nam hồng khuất phục ý chí chống Mỹ của dân tộc ta.

Chiến lược “Việt Nam hoá” và “Đông Dương hoá” chiến tranh (1969 - 1975) dưới thời Tổng thống Nichxơn và Giêrônpho. Chiến lược quân sự của Mỹ thời kỳ này là “Ngăn đe thực tế”, “Phi Mỹ hoá” chiến tranh để “Thay màu da xác chết”, nhằm xoa dịu làn sóng phản đối cuộc chiến tranh phi nghĩa, bản thủ của Chính phủ Mỹ ở Đông Dương.

Các Chiến lược chiến tranh Mỹ thực hiện ở Việt Nam trong thời kỳ này (1954 - 1975), tuy khác nhau về thủ đoạn, biện pháp tiến hành, nhưng giống nhau về bản chất hiếu chiến, phi nghĩa, dã man, tàn bạo chưa từng thấy của tên đế quốc đầu sỏ - dinh lữ tập hợp lực lượng phản động quốc tế. Chiến lược chiến tranh này thất bại, lập tức, Mỹ đề ra chiến lược chiến tranh mới cao hơn thay thế. Tổng thống này mất uy tín bởi bị sa lầy trong thất bại quân sự nhục nhã ở Việt Nam, thì Tổng thống Mỹ khác kế nhiệm, lại chứng tỏ tài năng của mình bằng việc đẩy cuộc chiến tranh xâm lược

Việt Nam lên mức cao hơn, chi phí tốn kém hơn. Mỹ đã 8 lần thay viên Toàn quyền (Đại sứ Mỹ) ở miền Nam và 4 lần thay tướng Tổng tư lệnh. Điều đó chứng tỏ: Mỹ quyết tâm, gắng sức, “chịu chơi” trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đến mức nào.

Dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cực kỳ gian khổ, chấp nhận một cuộc “đụng đầu lịch sử” với tên đế quốc đầu sỏ, hung hãm nhất thời đại, có tiềm lực to lớn về mọi mặt, để bảo vệ những thành quả vĩ đại mà Cách mạng Việt Nam đã giành được trong các thời kỳ trước.

Với tinh thần “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” hậu phương miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, luôn sát cánh chiến đấu cùng tiền tuyến miền Nam, lần lượt đánh bại các Chiến lược chiến tranh thực dân mới diễn hình, buộc “Mỹ cút” - cơ sở để đánh cho “Ngụy nhào”.

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử thắng lợi, đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu giang sơn về một mối, thống nhất đất nước - mốc kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước lâu dài, gian khổ, anh dũng của dân tộc Việt Nam. Ngày 30/4/1975 đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi, kết thúc cuộc Chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài 30 năm kể từ sau Cách mạng Tháng 8/1945. Sự kiện vĩ đại này mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên Hoà bình - Độc lập - Thống nhất và cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Thất bại của Mỹ ở Việt Nam là thất bại của kẻ “gieo gió đã gặp bão”. Sự thật này mở ra một thời kỳ đen tối trong lịch sử

(Xem tiếp trang 3)

CUỘC ĐỜI CỦA LIỆT SĨ, BÁC SĨ ĐẶNG THUỖ TRÂM LÀ TẤM GƯƠNG SÁNG LÀ NHỮNG BÀI HỌC QUÝ GIÁ CHO MỖI CHÚNG TA HÔM NAY

Th.S CAO VĂN THỊNH - Khoa KHXH & NV

ĐỌC hai cuốn nhật ký của liệt sĩ, bác sĩ Đặng Thuỷ Trâm, ghi từ ngày 8/4/1968 đến ngày 20/6/1970, khiến chúng ta suy nghĩ và khâm phục cuộc đời và tấm gương hy sinh anh dũng của một người con gái trí thức, một người cộng sản kiên cường và tự hào về một vùng quê Đức Phổ - Quảng Ngãi anh hùng với biết bao tấm gương anh dũng hy sinh, chiến đấu trong một giai đoạn quyết liệt nhất của cách mạng miền Nam.

Tốt nghiệp Đại học Y, khoa Hà Nội, chị Thuỷ Trâm vốn có một cuộc sống đầy đủ, sung sướng, bình yên tốt đẹp đã tự nguyện xung phong vào chiến trường miền Nam “theo tiếng gọi của Tổ quốc và tình yêu”⁽¹⁾, với một mong muốn được “chia lửa với miền Nam”, được cống hiến “dâng trọn tuổi xuân cho đất nước”. Vào chiến trường chị được phân công về làm bệnh xá trưởng của huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, nơi mà chiến trường gian khổ ác liệt nhất miền Trung. Ở đây chị đã phấn đấu trở thành đảng viên, một cán bộ cơ sở của Đảng có nhiều cống hiến xuất sắc, cá nhân và đơn vị đều trở thành điển hình tiên tiến.

Khi cuộc chiến đấu đang diễn ra ác liệt chị đã đem hết tinh thần “tài năng, sức lực phục vụ cách mạng”. Là một bác sĩ chuyên khoa mắt, để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ cứu thương, chữa bệnh cho cán bộ, bộ đội, đồng bào bị thương, bị bệnh. Bác sĩ

Thuỷ Trâm đã đem lại sức khoẻ, đem lại sự lành lặn cho bao nhiêu con người, cứu chữa cho bao nhiêu số phận thoát khỏi nanh vuốt của tử thần, đem lại sự an vui cho các gia đình, giữ gìn những đứa con cho các bà mẹ, duy trì và tái sinh được lực lượng chiến đấu trực tiếp trên mặt trận đánh Mỹ cứu nước. Để thực hiện được những nhiệm vụ khó khăn, trong điều kiện chiến tranh hết sức ác liệt, trong một thực tế diễn biến phức tạp. Trong lúc tạm yên chị “làm việc từ tinh mơ cho đến đêm khuya”. Khi địch càn quét lùng sục chị vừa đưa thương binh “đi trốn về lại tiếp tục mổ”, lúc gặp “mổ cả trong đêm giao thừa” để cứu chữa thương binh. Trong những ngày tháng phục vụ ngoài mặt trận, khi đi cánh Nam, lúc về cánh Bắc, nay thì ở Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Thanh... mai chị lại lên Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Quang... bàn chân chị đạp bằng hiểm nguy, lướt qua “Khe Sanh” - khe tử, đi trong đêm gió, đêm mưa, chui qua cống, vượt qua sông, băng qua đường chiến lược, ngồi dưới hầm mùa mưa ngập nước, mùa hè nóng bức, thức thâu đêm. Lúc trú ẩn dưới hầm bí mật, trên đầu địch đi lùng sục, dẫn cây, phá nhà cửa rầm rầm, khi đột địch, nhờ sự nhanh trí của đồng bào mà thoát chết, lúc lạc đơn vị bơ vơ... trăm ngàn gian nan, thử thách chị phải

(1) Những dòng trong ngoặc là lấy trong Nhật ký của Đặng Thuỷ Trâm, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005.

chịu đựng. Nhưng chị rất bình tĩnh cứu thương, chữa bệnh, thực hiện nhiệm vụ thu dụng, móc nối cơ sở, duy trì phong trào, nối lại các đầu mối, động viên đồng bào đồng chí, làm tốt công tác huyện đoàn, huyện hội phụ nữ, đào tạo cán bộ y tế cơ sở phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân.

Trong những ngày bệnh xá bị địch đánh phá, ở cương vị bác sĩ. Bệnh xá trưởng, Chỉ uỷ viên chị đã cùng cán bộ nhân dân dựng lán, đào hầm trú ẩn cho thương binh, bệnh binh. Chị đã làm những công việc nặng nhọc như công lá, dẫn cây, đào hầm, gùi gạo, chôn cất liệt sĩ, khiêng cáng thương binh... địch sục đến, địch bắn phá lại di chuyển, lại xây dựng đến hàng chục lán, có thời kỳ “ba tháng bốn lần bệnh xá” bị đánh phá, phải đưa thương binh thoát khỏi sự bao vây, tập kích, ra khỏi nơi bị giặc Mỹ bắn phá bằng máy bay, bằng pháo kích...

Trong những năm 1969, 1970 cuộc chiến đấu ở miền Nam bước vào giai đoạn ác liệt nhất, nó càng ác liệt khi giặc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh ra toàn cả Đông Dương. Khi đó địch tập trung các sư đoàn chủ lực Mỹ, chủ lực Ngụy, các đơn vị chủ lực của các nước chư hầu thực hiện âm mưu “làm cỏ tính Quảng Ngãi”. Bệnh xá của bác sĩ Thủy Trâm cũng bị đánh phá ác liệt nằm trong tình thế nguy hiểm. Thủy Trâm cũng nhận thức được điều đó, lý trí đã mách bảo chị: “Chúng ta phải đương đầu với một khó khăn ghê gớm nữa đây”. Càng ngày bệnh xá đi vào bước gian nguy, địch đã phát hiện chỗ ở, hai chiến sĩ Thành và Xuất làm nhiệm vụ cảnh giới đã bị địch đột kích: “Thành đã bị chúng bắn chết, Xuất bị chúng bắn bị thương rồi hạ tàu bay chở đi”. Đến đầu tháng 6 năm 1970 bệnh xá đã bị đánh bom “giết chết một lúc 5 người”. Chị và mọi người đã nghi bệnh xá “đã bị lộ”, bị “điệp chỉ điểm”. Máy bay

“địch uy hiếp dữ dội”, chúng oanh tạc liên tục “nghe tiếng máy bay địch quân đảo mình thấy thần kinh căng thẳng như dây đàn lên hết cỡ”. Bệnh xá đã cho “lực lượng mạnh khoẻ di chuyển đến nơi khác”. Khi máy bay cường kích tạm yên, thì máy bay trực thăng đổ quân hoạt động mạnh, chúng đã bao vây. Lúc đó “rừng yên lặng một cách dễ sợ”. Những ngày cuối cùng, chị ghi trong nhật ký “chỉ có ba chị em cùng năm thương binh cố định” ngày 20/6/1970 sau chín ngày mất liên lạc “gạo chỉ còn một bữa chiều nữa là hết” không ai tiếp viện, ứng cứu. Thủy Trâm đã cử “chị Lãnh và Xăng ra đi” chị cũng biết con đường ra “trăm nghìn nguy hiểm” một mình chị ở lại bảo vệ các thương binh nặng. Giờ phút cuối cùng của chị đúng như lời kể của một chiến binh Mỹ tham gia trận đánh “Chị đã chiến đấu với 120 binh sĩ Mỹ để bảo vệ bạn mình”⁽¹⁾ và chị đã hy sinh như một người anh hùng. Đó là tấm gương chiến đấu hy sinh anh dũng mãi mãi để chúng ta học tập về tinh thần xả thân, vì lý tưởng, vì nhân dân, vì nghĩa lớn. Sống “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng”. Chị xác định phải làm gì cho “xứng đáng với tình thương của nhân dân, phải hy sinh trọn đời cho cách mạng”. Khi trở thành Đảng viên chị đã thề “Mỗi phút sống là mỗi phút phục vụ cách mạng”. Trong gian khổ chị tự động viên mình “Hãy mãi mãi giữ trọn niềm tin hy vọng bao la trong tâm hồn mình”. Lúc nào chị cũng tâm niệm: “Phải phấn đấu để xứng đáng với tên gọi - một người cộng sản”.

Trong đời sống tư tưởng tình cảm, chị có lòng yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, đồng chí, yêu gia đình, người thân tha thiết. Đi làm cách mạng chị dành tất cả tình cảm

(1) Lời cựu chiến binh Mỹ Frederic Whitchurst - cựu chiến binh Mỹ này đã giữ cuốn nhật ký của Đặng Thủy Trâm suốt 35 năm

sâu nặng cho đất nước, cho đồng bào, đồng chí thân yêu, cho Đảng quang vinh và Bác Hồ kính yêu. Nhìn vào thực tại chiến tranh chị không vui: “Vui gì đâu, khi mà giặc Mỹ đang giầy xéo quê hương, giết hại đồng bào ta. Vui gì đâu, khi đất nước còn chia cắt, gia đình còn mỗi người mỗi ngả”. Chị vững bước “Trên con đường thênh thang của trái tim Tổ quốc”. Chị nói lên ước muốn chung là “Hoà bình độc lập đã cháy bỏng trong ba mươi triệu người Việt Nam”, nên “Không có con đường nào khác phải đánh cho không còn một tên đế quốc Mỹ trên đất nước chúng ta”. Đối với Đảng, chị nguyện: “Sẽ giữ trọn tất cả những gì cao quý của một người đảng viên” như trước đây chị đã xung phong vào miền Nam chiến đấu là nghe theo tiếng gọi của Đảng, chị đã tâm sự với mẹ: “Ngoài Đảng chứ không ai có thể làm con xa gia đình”. Khi là đảng viên rồi trong gian nguy thì chị hứa: “Đáp bằng mọi trở lực để xứng đáng là một đảng viên chân chính nhất”.

Đối với Bác Hồ kính yêu chị một lòng tôn kính, khi biết tin Bác Hồ từ trần, chị đã thầm gọi Bác: “Bác ơi! Ở bên kia thế giới Bác chưa yên lòng khi nước nhà còn chìm trong khói lửa, máu của dân tộc Việt Nam còn đổ cho sự nghiệp của Bác của dân tộc”. Biển đau thương thành hành động cách mạng: “Nhớ Bác chúng con thể chiến đấu để sự nghiệp chóng hoàn thành. Nhớ Bác, nước mắt đọng lại thành lòng căm thù trút lên đầu giặc Mỹ”. Trong phút hiểm nguy chị gọi Bác Hồ “Bác ơi! Có thấu tấm lòng trẻ thơ”. Hay trong lời kể của đồng đội phút cuối cùng trước khi ngã xuống chị đã hô: “Hồ Chí Minh muôn năm!” qua đó, mỗi chúng ta thấy lòng chị kính yêu Bác đậm thắm, tin tưởng, kiêu hãnh vô cùng.

Đối với nhân dân cả hai miền Nam - Bắc, chị có lòng thương nhớ thủy chung, trong sáng. Chị nói “Nhớ miền Bắc vô vàn”,

chị ước muốn: “Bao giờ tiếng súng chấm dứt để ta trở về với miền Bắc yêu thương”. Chị nhớ trường Chu Văn An, nhớ giảng đường trường Y Hà Nội, Bệnh viện Bạch Mai, nhớ Hồ Gươm, Hồ Tây, nhớ Tháp Rùa, nhớ những con đường, nhớ hàng cây, nhớ sông Hồng nơi chị đã lớn lên và trưởng thành vững bước ra đi làm cách mạng. Với miền Nam chị có tình cảm sâu nặng với đồng bào, đồng chí. Khi đứng nhìn biển nam Đức Phổ chị đã nói lên tình yêu da diết “Chỉ là mảnh đất miền Nam là sao mình thấy tha thiết gần bó vô cùng”. Chị nghĩ về đất nước của mình rất đẹp: “Đất nước như chàng trai đầy nghị lực, dù vết thương đau, nhưng chàng trai đó vẫn đi, nụ cười nở trên môi và niềm tin trong đôi mắt”. Đối với nhân dân Đức Phổ, Quảng Ngãi, chị đã sống được đồng bào, đồng chí yêu thương, che chở, bảo vệ và tin tưởng. Chị cảm phục tinh thần đấu tranh hy sinh của mọi người, những cuộc đời cần cù, giản dị nhưng rất dũng anh hùng, bất khuất, như cuộc đời của Khiêm, của Thuận, của Hường, của Bốn, của Lực, của Liên, của Giàu, của Đào, của Nhiều, của Niên... Họ sống rất anh hùng, chết rất vẻ vang. Chị đã nhận thấy “cuộc đời và hoàn cảnh của mỗi người ở đây là bài học quý giá đối với mình”. Mỗi cuộc đời của họ “là những bài học mà chị sẽ học tập mãi mãi, học tập về lòng dũng cảm hy sinh, tinh thần trách nhiệm, lòng vị tha và cả những rung cảm chân thành”.

Cuộc sống công tác, chiến đấu của chị đã là một tấm gương sáng, khi chị chưa là đảng viên, rất nhiều người đánh giá chị “xứng đáng là một người cộng sản”. Trong đời sống hàng ngày chị tâm sự “cả Đức Phổ đã dành cho mình một tình thương triu mến”. Chị như được sống “giữa cái nôi tình cảm”. Trong gian khổ, ác liệt chị luôn nghĩ “Phải làm gì để xứng đáng với niềm

tin của nhân dân Đức Phổ” và chị đã đem hết sức mình phục vụ nhân dân. Vì thế người coi chị “là người thương yêu cao cả nhất trên đời”. Chị được “mọi người thương, bạn mến, Đảng tin” và thực lòng khen chị “Thật là một trí thức toàn diện”. Chị cũng rất tự hào được sống trong những ngày gian khổ nhưng quang vinh: “Nơi có hàng ngàn tấm gương hy sinh có thể viết thành bài ca tuyệt đẹp”. Ở đây chị đã dành tình thương yêu cho tất cả mọi người cho những đứa em nuôi như Nghĩa, như Thuận, như Thường... chẳng khác nào chị em ruột thịt, chị cũng đã dành tình cảm cho những người anh như anh Khả, anh Long, anh Tân... cho những người chị, người bạn thân như chị Hai, Vân, Liên, Huồng... tình cảm rất mực trong sáng, thủy chung...

Cuộc đời của bác sĩ Thủy Trâm đã tự nguyện hiến dâng cho Đảng cho đất nước. Vì thế đối với mẹ cha, với các em, với người thân thương càng sâu nặng; càng gian nan, càng ác liệt, tình cảm của chị càng nồng đượm, ý thức cách mạng làm cho tình cảm của chị đẹp hơn, cao cả hơn. Chị tâm sự với mẹ: “Mẹ ơi! Con biết nói sao khi lòng con thương mẹ trăm nghìn triệu mà cũng đành xa mẹ ra đi. Quân thù đang còn đó, bao nhiêu người mẹ còn mất con, bao nhiêu người chồng mất vợ. Đau xót vô cùng”. Trong những ngày ác liệt, chị cũng như mọi người đã xác định trước là mình sẽ hy sinh. Mấy chị em gặp nhau cùng nghĩ: “Đây là buổi cuối cùng sum họp” và đều hiểu đó là sự thực. Thủy Trâm còn quả quyết hơn: “Chị không bi quan mà đó chỉ là thực tế”. Nên càng phải kiên định: “Mỗi phút sống phải là một phút vinh dự”. Từ đó ý nghĩ của chị càng sâu sắc “ở đây, mình mới hiểu hết giá trị của cuộc sống. Ôi, cuộc sống đó bằng máu xương của bao nhiêu người. Biết bao cuộc đời đã chấm dứt để cuộc

đời khác được xanh tươi”. Chị đã không sợ hy sinh, chị đã nói với người mẹ thân thương: “Mẹ yêu ơi, nếu như con của mẹ phải ngã xuống vì ngày mai thắng lợi, thì mẹ hãy khóc ít thôi mà hãy tự hào vì con đã sống xứng đáng”.

Trong chiến đấu, gian khổ, ác liệt giờ phút “cái chết không đây gang tấc” chị luôn luôn lạc quan yêu đời. Chị nhắc nhở mình: “Hãy yêu từng giây, từng phút của cuộc sống hôm nay”. Dưới công sự, khi địch đang đi càn, đang pháo kích chị vẫn “kể chuyện Paven, Ruồi Trâu những vần thơ mình thích cho Khiên nghe”. Biểu hiện tinh thần lạc quan phơi phới: “Cuộc sống vẫn cứ mộng mơ dù bom đạn quanh mình”. Cả khi ghi nhật ký: “Giữa trận càn bom pháo tới tấp xung quanh, ngồi giữa kẻ đá mình vẫn cứ ghi nhật ký”. Chị đã ghi rất chân thực những chiến công đánh giặc của nhân dân Đức Phổ, chiến công của các chiến sĩ, của các em bé thiếu niên anh dũng diệt Mỹ cứu nước. Có điều khác với các cuốn sách khác, chị đã ghi những con số xác định, con số ước chừng, tính đến phải có trên 80 trường hợp hy sinh, trên 50 trường hợp bị thương, hàng chục người bị địch bắt sống. Nhưng con số ấy rất thực, đọc lên ít cảm thấy thương đau, xót xa mà làm cho người ta thấy cái giá phải trả, làm cho người ta cảm động, căm thù, còn pha chút tự hào trước sự hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí chúng ta để thắng Mỹ. Nhật ký của chị “Nó là những trang ghi lại cuộc đời rực lửa chiến đấu và chôn cất đau thương của những con người gang thép trên đất miền Nam này”. Để xứng đáng là người đảng viên chân chính nhất, chị muốn mình “Đứng vững trong lửa đỏ và nước sôi... là người chiến thắng” chị hiểu: “Danh dự là viên ngọc quý giá” phải cố gìn giữ “Thà chết mà giữ mãi cái cao quý

của trái tim một người cộng sản, một con người chân chính” thật là trong sáng và cao cả trong lẽ sống, niềm tin một con người của Đảng.

Cuộc sống vốn đã phức tạp, chiến tranh lại làm nó phức tạp hơn. Chị cũng đã nhìn thấy những hạn chế, tiêu cực trong lối sống, lối nghĩ suy, hành động của những con người quanh mình “Đời vẫn đầy rẫy những con sâu địa vị, những gai góc của cuộc sống kèn cựa, cạnh tranh từng chút uy tín, từng chút quyền lợi”. Chị nghĩ rất đúng “Muôn người đã tạo nên người mẹ hiền là Đảng”... Nhưng trong đội ngũ đó vẫn còn những người chưa tốt làm cho Đảng “giống hệt người bà gẻ trong truyện cổ tích” cho nên trên thực tế cuộc sống của tập thể làm người ta dẫn đến: “Kẻ thù phi nghĩa không sợ, mà sợ những nọc độc của kẻ thù phi nghĩa, vẫn rót lại trong đồng chí của mình”. Ngay trong đội ngũ của Đảng “vẫn còn những con sâu, con mọt đang gặm nhấm danh dự của Đảng, những con sâu mọt ấy nếu không diệt nó đi, nó sẽ đục khoét niềm tin yêu đối với Đảng”.

Lúc đó cuộc đấu tranh làm trong sạch Đảng còn chưa được đề ra. Chị đã nêu lên câu hỏi: “Tại sao trong tay ta có vũ khí phê và tự phê mà ta không sử dụng, để cho những ung nhọt của tư tưởng cứ mục dần trong một số đầu óc”, “Tại sao ta là kẻ đúng, là một số đông mà không dám đấu tranh được một số nhỏ, để số người đó gây khó khăn trở ngại cho tập thể”. Chị nhắc mọi người phải giữ vững nguyên tắc “Nhiệm vụ chúng ta là phải đấu tranh cho lẽ phải. Mà đấu tranh phải bỏ sức lực, phải suy nghĩ, phải hy sinh quyền lợi cá nhân, có khi là cả cuộc đời mình cho lẽ phải chiến thắng”. Đây thực sự là bài học còn nguyên giá trị cho chúng ta hôm nay.

Trong cuộc sống hàng ngày, chị Thuý Trâm cũng thấy những mặt hạn chế của một

số con người chúng ta như “còn có lòng thù ghét và ghen tỵ nhau”, hay “còn khát khe, hẹp hòi”, trong dòng máu còn có “máu đỏ”, “máu đen” trong “bộ não còn có điểm sáng ngời thông minh và cũng có điểm đen sì tăm tối, những ý nghĩa đốn hèn”. Chị mong muốn: “Bao giờ để con người hoàn toàn sống bằng ưu ái, bằng tâm hồn trong sáng”. Trong đấu tranh tư tưởng chị cũng nhận thấy mình: “Cái đúng là cái thẳng thắn, cái sai là thiếu mềm mỏng để khắc phục người ta”. Nhưng chị quyết không nhân nhượng cái xấu. Thà chết mà giữ mãi trái tim một người cộng sản, một người chân chính. Mục đích là sống đẹp, cao thượng “đừng để ai đó kể lại đời mình có những tiếng chê bai”.

Như thế đó, cuộc đời của liệt sĩ - bác sĩ Đặng Thuý Trâm rất ngắn ngủi chưa đầy 28 tuổi, hơn 3 năm tuổi nghề, gần 2 tuổi Đảng. Cuộc sống và tấm gương hy sinh của chị là những bài học cho mỗi chúng ta hôm nay. Đó là lẽ sống vì lý tưởng cao cả, xả thân chiến đấu vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì cách mạng. Trung thành, tận tụy với Đảng với dân tộc với đồng bào, đồng chí. Trong đấu tranh gian khổ, ác liệt không hề nao núng, lạc quan yêu đời, tin tưởng sắt son vào cách mạng vào chiến thắng. Yêu thương gắn bó với mọi người luôn học tập những tấm gương hy sinh cao cả, nhận lấy khó khăn và hy sinh về mình, nêu một tấm gương về nhân cách, lối sống, tác phong làm việc trách nhiệm, có kỷ luật, bền bỉ và sáng tạo. Không ngừng đấu tranh chống lại những hành động tiêu cực tồn tại trong Đảng, trong quân chúng, trong bản thân mình để bảo vệ uy tín của cách mạng, danh dự của Đảng, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

Những bài học quý giá này chúng ta luôn trân trọng ghi nhớ và học tập mãi./

THƠ SAU 1975 SỤY NGHĨ VÀ CẢM NHẬN

Th.S NGUYỄN NGỌC YẾN - Khoa KHXH & NV

TỪ 1975 đến nay văn học của ta bước sang giai đoạn mới trên đất nước hoà bình thống nhất. Khi giang sơn thu về một mối, khi chiến tranh khói lửa đã qua, đó là lúc chúng ta bắt tay vào xây dựng đất nước, đó là lúc chúng ta có thời gian để hồi tưởng về chặng đường lịch sử đau thương và anh dũng của dân tộc.

Dù chưa có những thành tựu mang ý nghĩa cảm mốc, song văn học sau 1975 đã có những thành công nhất định trên cả bình diện văn xuôi lẫn thơ ca. Đại hội Đảng lần thứ VI – 1986 được xem là dấu hiệu tốt lành của một sự khởi đầu. Cũng từ đó dân tộc Việt Nam giao lưu với năm châu bốn biển trên mọi phương diện. Thời kỳ “mở cửa” cũng là thời kỳ văn học Việt Nam trao đổi, tiếp nhận những khuynh hướng sáng tác, những phương pháp thể hiện mới lạ tạo nên sự phong phú đa dạng nhiều màu sắc. Tuy nhiên ở bài viết này, trong giới hạn cho phép, chúng tôi chỉ xin đề cập đến một khía cạnh nhỏ, đó là: Thơ viết về chiến tranh sau 1975.

Với “bốn mươi thế kỷ cùng ra trận”, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là bản anh hùng ca vang dội trong lịch sử dân tộc. Ở đó thơ ca chống Mỹ đã đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật. Thành tựu có được của thơ chống Mỹ không chỉ là sự đòi hỏi của thời đại mà còn là sự thôi thúc bên trong của chính các nhà thơ.

Với cái nhìn khám phá, phát hiện trong chiều dài, chiều rộng của không gian và thời gian, trong mối quan hệ giữa lịch sử

và dân tộc, các nhà thơ chống Mỹ đã phản ánh cuộc ra trận bùng bùng khí thế của “cả nước lên đường”, “vui như trẩy hội” trong không khí phấn chấn rạo rực “chiến trường chật chội, tiếng cười hăm hở, đầy sông, đầy cầu”.

Bức tranh toàn cảnh về cuộc kháng chiến dân tộc phong phú và đặc sắc hơn khi có sự xuất hiện của các nhà thơ chiến sĩ. Chính những tác giả cầm súng ấy đã gieo vần thơ của mình ngay trong mưa bom bão đạn. Họ là Lê Anh Xuân, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Đức Mậu, Anh Ngọc, Nguyễn Duy, Hữu Thỉnh...

Ý thức rất rõ vai trò, vị trí lịch sử của thế hệ mình, Phạm Tiến Duật viết:

“Ta đi hôm nay đã là không sớm

Đất nước hành quân mấy chục năm rồi

Ta đến hôm nay cũng là chưa muộn

Đất nước còn đánh giặc chưa thôi”

Từ hy sinh gian khổ họ hiểu giá trị đích thực của cuộc sống, hơn ai hết, với họ thơ không chỉ là “tiếng đàn muôn điệu”, không chỉ là những vật trang trí đời thường:

“Thơ không phải là thứ dây bìm

trang trí

Kéo nhòe đi những rễ cây tựa nhựa

Bão động rừng sao thơ chỉ rung rinh”

(Hữu Thỉnh, Đường tới thành phố)

Thơ là hiện thực, là tiếng lòng, là ghi nhận lịch sử:

Không có sách chúng tôi làm ra sách
Chúng tôi làm thơ ghi lại cuộc đời mình
(Hữu Thỉnh, Đường tới thành phố)

Người chiến sĩ cũng là nhà thơ, trường thành ngay trong cuộc chiến đấu ác liệt, họ mở toang cánh cửa thơ cho cuộc sống thô nhám, tươi rùng nhựa sống tràn vào:

"Hai phút trên đầu một lượt mây bay
Lá nguyệt trang như còn bốc khói
Và bãi đất này như cái lưng người
Giờ ra không biết mới
Đen sạm khói bom, nhăm nhở vết thương"
(Phạm Tiến Duật, Nghe hò đêm bốc vác)

Thực tế cuộc sống sôi động hào hùng đã khơi nguồn cảm hứng sáng tạo và bất thần xuất hiện những tứ thơ độc đáo:

"Cái vết thương xoàng mà đi viện
Hàng còn chờ đỏ, tiếng xe reo
Nằm ngửa nhớ trắng, năm nghiêng nhớ
Nôn nao ngồi dậy nhớ lưng đeo"
(Phạm Tiến Duật, Nhớ)

Thơ chống Mỹ đưa bạn đọc đi thẳng vào hiện thực gian khổ, nóng bỏng ác liệt của chiến tranh, nhưng không gây cảm giác run sợ. Cảm hứng anh hùng ca đã tạo nên sự khoẻ khoắn, mạnh mẽ trong khí thế bùng bùng ra trận. Bản giao hưởng của Trường Sơn không chỉ có tiếng bom đạn mà còn có âm thanh của rừng, lời ca tiếng hát của những người chiến sĩ:

Tiếng bom chạm nhau thay cho nhạc
đạo
Mỗi câu hò thêm một chuyến xe qua
Sau giọng ngân dài, xô một tiếng dô ta
(Phạm Tiến Duật, Nghe hò đêm bốc vác)

Sức trẻ và lòng yêu nước nồng nàn là động lực khiến cho người lính vượt lên mọi khó khăn, ác liệt của chiến tranh. Nơi đâu sóng ngọn gió, giữa lửa đạn nhưng "Nghe tiếng bom rất nhỏ" (Phạm Tiến Duật). Với tâm hồn giàu suy nghĩ, cảm xúc phong phú, tinh tế, các nhà thơ chống Mỹ đã phát huy mạnh mẽ khả năng liên tưởng tạo nên những tứ thơ thật bất ngờ:

Mũ tai bèo khẽ nghiêng nghiêng
Nghe lẩn lẩn những tiếng chim xuống
hầm
(Hoàng Nhuận Cầm, Tiếng chim trên đồi chổi)

Nếu phút lặng yên hiếm hoi giữa hai trận đánh khiến cho tâm hồn trẻ trung của Hoàng Nhuận Cầm cảm nhận được âm thanh dịu ngọt của tiếng chim, thì khi tiếng bom vừa dứt, trong nóng bỏng lửa đạn Nguyễn Duy hóm hỉnh, thông minh phát hiện:

Vừa tiêu ngưu tiếng bom rừng
Đã nghe nhổng nhánh chim rừng tán
nhau
(Nguyễn Duy, Tiếng chim sau trận B52)

Có thể thấy, với khuynh hướng anh hùng ca, tràn đầy cảm hứng lãng mạn, thơ chống Mỹ đã góp cho nền văn học Việt Nam hiện đại những thành tựu to lớn, xuất sắc. Nhiều tác giả đã định hình được phong cách, giọng điệu riêng: đó là Nguyễn Khoa Điềm sâu lắng, suy tư đầy triết lý, là Phạm Tiến Duật thông minh, dí dỏm, tài hoa, là Hữu Thỉnh trầm trồ, suy ngẫm và tinh tế, là Nguyễn Duy chân chất, đậm chất, sâu xa...

Thơ ca kháng chiến chống Mỹ đã góp phần viết nên cuốn "Biên niên văn học" của dân tộc. Ông kính các nhà thơ đã ghi lại chân dung của thế hệ mình, một thế hệ hào hùng cùng dân tộc cất "tiếng hát át tiếng bom" với "Đảng đứng Việt Nam tạc

vào thế kỷ" trong đôi quân trùng điệp của "cả thế hệ, dân hàng, gánh đất nước trên vai" (Bằng Việt).

Sau 1975 xuất hiện hàng loạt trường ca viết về chiến tranh. **Những người đi tới biển, Những ngọn sông mất trời** của Thanh Thảo, **Đường tới thành phố** của Hữu Thỉnh, **Trường ca sư đoàn** của Nguyễn Đức Mậu, **Đất nước hình tia chớp** của Trần Mạnh Hảo, **Con đường của những vì sao** của Nguyễn Trọng Tạo. Đó là những trường ca thể hiện khát vọng tổng kết cuộc kháng chiến thông qua cách nhìn, trải nghiệm của mỗi nhà thơ.

Thời gian trở thành nhân chứng giúp các tác giả suy ngẫm, trăn trở đúc kết và những bản trường ca sau 1975 đã tái hiện quá khứ khá đầy đủ, toàn vẹn trong trải nghiệm sâu lắng của mỗi người.

Không thiên về cảm hứng lãng mạn, **Trường ca sư đoàn** của Nguyễn Đức Mậu là hiện thực những hy sinh, mất mát không gì bù đắp nổi:

Rồi hôm ấy mười căn hầm sập

Người anh nuôi thành người giữ chốt

Mười năm cơm thừa

Mười khẩu súng

Một mình anh

Chỉ đến bây giờ, khi chiến tranh đã qua, tác giả mới có thời gian để suy ngẫm và đúc kết:

Nếu tất cả trở về đông đủ

Sư đoàn tôi sẽ thành mấy sư đoàn

(Nguyễn Đức Mậu, **Trường ca sư đoàn**)

Có thể thấy, thơ viết về chiến tranh sau 1975 thấm thía sâu sắc nỗi đau của hy sinh, mất mát. Nếu trên chiến trường sự hy sinh của đồng đội khiến cho người ta sục sôi

căm giận nhằm thẳng vào kẻ thù, thì giờ đây nỗi đau ấy chỉ còn là ký ức xót xa:

Đội hình hành quân hàng một lên đường

Chỉ còn tiếng xì xào và khe khẽ bước chân

Chuyển tay nhau ba chiếc võng

Trên có ba người bất động

Dốc đã rất cao

Rất cao

Chúng tôi đưa bạn lên thật cao

Nơi trần nắng

Nơi trần gió

Kiểm chỗ cho bạn nằm

(Nguyễn Đức Thiến,

Khi rừng còn những cách hoa mua)

Thời chiến, ranh giới giữa sinh tồn và mất mát thật mong manh, cái chết thoát ẩn, thoát hiện như một trò chơi số phận và chiến tranh luôn có tính bất thường:

Những năm

Chiếc áo dính chặt vào thân

Bạc màu, ngắn nhanh rồi rách

Những năm

Chiếc áo có thể sống lâu hơn một

cuộc đời

(Thanh Thảo, **Những người đi tới biển**)

Chiến tranh đã qua, song kỷ ức về nó không thể xóa nhòa. Vũ Bình Lục trong **Đám cưới một linh hồn** đã "Gặp lại người yêu giữa Trường Sơn ngàn bia mộ". Lê Anh Dũng một lần trở lại, bồi hồi trong **Đại giỗ cõi Trường Sơn**:

Hàng nghìn nén nhang

Hàng nghìn ngọn nến

Hồn các anh

Nhập nhòa

Sôi dọi

Lung linh

Hàng vạn người cúi đầu
Hàng vạn người thôn thức
Đêm trắng đại ngàn
Đại giỗ cõi Trường Sơn

Rõ ràng, đó là nỗi đau không của riêng ai, nỗi mất mát quá lớn của một dân tộc đã hàng ngàn năm chống giặc. Vinh quang nào chẳng trải qua đau thương, biết vậy đấy, nhưng sau vòng hào quang chiến thắng, không ai có thể làm ngơ trước sự mòn mỏi của năm tháng đợi chờ:

Đỏ mắt
Mỏi mòn khắc khoải
Lần dò
Tên
Quê
Đơn vị
Hy sinh
Đỏ mắt
Nỗi niềm
Day dứt
Đêm trường
Vọng tử
Vọng phu

(Lê Anh Dũng, Đại giỗ cõi Trường Sơn)

Có thể nói, thơ ca sau 1975 viết về chiến tranh bình tĩnh, sâu lắng và đầy trăn trở, cái trăn trở, day dứt của những vần thơ thấm đẫm tình người. Vết thương nào rồi cũng phải lành, nhưng vết thương đã thành sẹo có bao giờ mất được. Chiến tranh qua đã lâu, tình yêu vẫn đau đáu trong lòng người chờ đợi. **Chiều tháng bảy** của Châu Nho là một bài thơ đầy xúc động. Đó là mối tình sâu nặng giữa cô giáo trẻ và anh lính ngoài chiến trận. Hoà bình, anh không trở lại, anh đã nhập vào vĩnh viễn xanh thắm của Trường Sơn. Dẫu có gia đình và cô đã nghỉ hưu, nhưng khi

đồng đội đem về bài thơ của người yêu thuở trước, cô bàng hoàng, đau đớn, xót xa:

Núi xanh hơn, chiều cũng như xanh hơn
Chị đã khóc biết bao chiều tháng bảy
Ngõ nước mắt đã khô, nước mắt giờ
lại chảy
Nước mắt yêu người lính thuở chiến
tranh

Giây phút xúc động khiến cho tác giả bài thơ - đồng đội cũ của anh cũng không nén nổi ghen ngạo:

Nước mắt dễ lây, tôi quay mặt nhớ anh
Nhớ đồng đội ra đi không trở lại
Nhớ nước mắt của bao người con gái
Ướt mặt chiều tháng bảy trong tôi

Đã mấy chục năm, chiến tranh vẫn là đề tài được nhiều nhà thơ khai thác. Không chỉ hồi tưởng, họ đi tìm quá khứ, bao chiến sĩ trở lại Trường Sơn khi tóc đã ngả màu. Dẫu thời gian đã phủ màu xanh bạc ngàn xoa dịu nỗi đau nhân thế, song trái tim dạn dày khói lửa của người lính năm xưa bỗng chợt quận đau:

Trở lại rừng xanh bỗng gặp
Những cánh hoa mua nở tím trời chiều
Lại nhớ một lần giữa lòng khe sâu
Pháo nổ chất chứa
Ba đồng đội tôi
Một người, mảnh găm vào ngực
Máu tuôn
Nhuộm năm cơm bữa đỏ.
Một người, mảnh găm vào cổ
Mỗi khi thở
Máu lại trào ra

Còn một...
Thời không nói nữa.

(Nguyễn Đức Thiện,
Khi rừng còn những cánh hoa mua)

Lời thơ nghẹn ngào như tiếng nấc, chiến tranh tuy đã lùi xa, song nỗi đau chẳng nằm yên, nó day dứt, tràn trở trong ký ức của người còn sống.

"Chuyện ấy xảy ra đã từ lâu lắm
Thuở chiến tranh, cả triệu người lên
đường

Không chỉ ba người
Mà ba trăm, ba ngàn...

Không

Còn nhiều hơn, nhiều hơn

Những người đi không hết cuộc hành
quân."

(Khi rừng còn những cánh hoa mua -
Nguyễn Đức Thiện)

Xúc động và giản dị, lời thơ tuôn chảy như tấm lòng người cầm bút. Giọt nước mắt tưởng như đã cạn khô nay chứa chất, mặn mòi trên trang giấy.

Cảm hứng trở về quá khứ tràn mặc in đậm trong thơ sau 1975, bởi chiến trường đầy áp những kỷ niệm của một thời trai trẻ. Năm tháng ấy, giữa mưa bom, bão đạn hiểm nguy, cuộc sống hàng ngày của người chiến sĩ đã trở thành những bài ca bất tử.

"Không còn nữa chiếc bi đông bẹp dùm
Đạn quân thù lỗ chỗ xuyên qua
Cơn khát ấy chảy vào lòng đất
Để bây giờ đất khát bài ca..."

(Nhớ Trường Sơn - Đinh Nam Khương)

Đất nước hoà bình, nhiều người lính đi tìm đồng đội. Dấu chân nhà thơ chiến sĩ in khắp chiến trường xưa, lần tìm thời gian,

dõi theo kỷ niệm, để rồi một hôm nhà thơ bỗng sững sờ:

"Cánh vồng mắc
Từ bao giờ, không ai rõ
Phong lan xanh ôm thi hài nắng gió"

(Mổ lá - Nguyễn Thế Nhân)

Đồng đội đây rồi, nhưng cũng như bao chiến sĩ vô danh:

"Không một tấm hình, không một dòng
địa chỉ
Anh chẳng để lại chi trước lúc lên
đường"

(Dáng đứng Việt Nam - Lê Anh Xuân)

Mừng rỡ và đau xót, chỉ còn biết cúi đầu mặc niệm trước anh linh người đã khuất. Trong bi thương, nhà thơ thật sự biết ơn Trường Sơn bao la như lòng mẹ đã ôm ấp, nâng niu thi hài liệt sĩ:

"Cánh vồng ru
Cây mỗi ngày mỗi lớn
Bế anh lên, mở lá không tên
Giữa không trung
Vuong trời, không cỏ
Hoa phong lan rắc trắng vồng
anh nằm"

(Mổ lá - Nguyễn Thế Nhân)

Ba mươi năm đã qua, dòng thơ viết về chiến tranh vẫn khơi nguồn chảy, đó là sự tiếp nối đầy nhân bản của dòng thơ viết về chiến tranh trong kháng chiến chống Mỹ. Thơ Việt Nam sau 1975 đề cập nhiều đến số phận người lính và những người thân của họ. Bao người mãi mãi ra đi không trở lại, để những bà mẹ, người vợ gánh nỗi đau trọn đời, thành hồn vọng phu, vọng tử. Biết bao cựu chiến binh mang trong mình mảnh đạn, khi trở trời nhức nhối vết thương đau. Có những người lính trở về nơi đồng quê

thôn dã, không màng đến quyền cao, chức trọng:

"Người đàn ông ngồi lặng
Bàn tay đan đều những nan tre
Vết nhăn hằn lên đuôi mắt
Người đàn ông đã một thời trận mạc
Nan tre ngủ quên trên gác bếp
tĩnh toàng"

(Người lính trở về - Đàm Xuân Hoán)

Những người nông dân mặc áo lính
xung trận khi đất nước lâm nguy, nay hoà
bình trở về với cuộc đời thanh thản:

"Cái áo nâu mặc lại trên mình
Đôi bàn tay đưa đều
Nan tre vàng óng
Khi những chiếc rá được đan xong
Ngày cũng hết
Người đàn ông nhóm lửa
Ông hun thật vàng sợi rá đã đan
Để kịp phiên chợ quê..."

(Người lính trở về - Đàm Xuân Hoán)

Không ít người lính trở về mang nặng
trong lòng những trăn trở về tình đời, tình
người. Họ tiếp tục đi tìm giá trị đích thực
của cuộc sống, của chính mình:

"Tôi là người lính vô danh
Tôi qua hết cuộc chiến tranh trở về

Ba mươi năm một lời thề
Những ai đi trốn nay về cùng tôi
Những ai nằm lại xa xôi
Những nơi khuất nẻo, những đôi
không tên
Ba mươi năm cuộc hành trình
Cho tôi trở lại với mình hôm nay"

Họ có thời gian để lý giải những điều
mình đã làm. Xin hãy nghe lời tự bạch:

"Trở lại những niềm riêng trong chiến
tranh, chúng ta thấy rõ ràng, trong bom
roi đạn nổ, phía trước là kẻ thù xâm lược,
sau lưng là Tổ quốc và nhân dân đang lâm
nguy, những người sống có ý thức không
thể có cách lựa chọn nào khác là phải
đứng vào hàng ngũ những người chiến đấu
vì độc lập tự do, dù phải chịu đựng mọi
gian khổ hy sinh mất mát. Đây là cái thời
hàng triệu con người có chung ý nghĩ, có
chung cảm xúc, có chung lời nói. Người
lính bé nhỏ và vô danh là tôi cũng vậy"
(Hành trình đi tìm mình - Anh Ngọc)

Đó không phải là niềm riêng của nhà
thơ Anh Ngọc, mà là niềm chung của cả
một thế hệ cầm bút và cầm súng. Thơ viết
về chiến tranh sau 1975 phải chăng chính
là cuộc "Hành trình đi tìm mình", đi tìm
giá trị đích thực của con người - của thời
đại và dân tộc./

